TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/HNGĐ-ST
Ngày 07-11-2019
Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

2. Bà Nguyễn Thị Thọ.

- Thư ký phiên tòa:Bà Lê Thị Hoài Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng– Kiểm sát viên.

Ngày 07tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số252/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 14/2019/QĐ-TA ngày 04 tháng 11 năm 2019,giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm: 1974; địa chỉ: Tổ 4, ấp T, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu(có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1976; địa chỉ: Tổ 4, ấp T, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện,bản tự khaivà trong qúa trình tố tụng nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ông Trần Văn T và bà Trần Thị H kết hôn năm 2014, Giấy chứng nhận kết hôn số 78/2014 quyển số 01/2014 do UBND xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày ngày 18/8/2014. Trong quá trình chung sống do không hợp

nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Trước khi đến với nhau ông T và bà H đều đã một lần lập gia đình nhưng đều dỡ dang, khi gặp nhau thấy hoàn cảnh giống nhau đồng cảm với nhau nên tự nguyện đến với nhau, nhưng khi về chung sống một nhà thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không hòa giải được. Bà H tự ý bỏ ra ngoài sinh sống, trách gặp mặt ông T và vợ chồng sống ly thân một thời gian dài. Nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T yêu cầu được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Văn T sinh ngày 22/10/2014, hiện đang ở với ông T và ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

Bị đơn bà Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

Theo kết quả xác minh hiện nay bà H đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, từ cuối năm 2018 bà H bỏ đi đâu không rõ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa là không chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với bà H. Giao cháu Tuấn cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiệnvà trong quá trình tố tụng ông Txác định yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi conđối với bà H được xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiệncủa ông T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bà H, thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Long Phước, thành phố Bà Rịacấp giấy chứng nhận kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp.Tài cho rằng trong quá trình chung sống do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫnkhông giải quyết được nên bà H tự ý bỏ ra ngoài sinh sống và cắt đứt liên lạc với gia đình.Theo người thân của bà H cho biết vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn mà chủ yếu xuất phát từ mối quan hệ không tốt giữa ông T với con riêng của bà H nên dẫn đến mâu thuẫn, bà H đưa con riêng ra ngoài sinh sống và cắt liên lạc với ông T. Như vậy, lời trình bày của ông T là phù hợp với kết quả xác minh cho thấy mâu thuẫnvợ chồng là có thật, nhưng các bên không hòa giải được với nhau cho thấy mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dàinên ông T yêu cầu ly hôn với bà H là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về conchung:Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Văn T, hiện nay đang ở với cha và ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con nên giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết, nếu có tranh chấp được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Ông T là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Vềquyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* đối với bà Trần Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T được ly hôn với bà Trần Thị H.

- Về con chung: Giao cháu Trần Văn T sinh ngày 22/10/2014 cho ông Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Buộc ông Trần Văn T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm,được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0008731 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hoàng Đức